

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 314/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19-8-2022
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Văn Ty.;
- Ông Võ Thanh Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mang Đức Kham- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 256/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1347/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1396/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Ngọc H, sinh năm: 1972 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Làng Đ, xã K, huyện M, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm: 1970 (Vắng mặt).

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/5/2022 và các văn bản tố tụng khác, nguyên đơn bà Bùi Thị Ngọc H trình bày: Trước khi cưới bà và ông Nguyễn Văn H1 có tìm hiểu nhau khoảng vài tháng, tự nguyện đi đến hôn nhân, có Giấy đăng ký kết hôn do UBND xã N cấp vào năm 1993. Thời gian đầu vợ chồng sống phía gia đình chồng ở N, đến năm 1995 thì đến tỉnh Gia Lai lập nghiệp. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nguyên nhân do ông H1 thay đổi tính tình, ham chơi với bạn

bè, thường uống rượu bia, không quan tâm đến gia đình. Bên cạnh đó, con gái lớn bị bệnh tim bẩm sinh nên bà rất vất vả, vợ chồng thường kinh cãi nhau. Từ khi cưới nhau cho đến năm 2015, cứ mỗi khi vợ chồng xung đột thì chồng bỏ nhà đi. Mâu thuẫn trầm trọng nhất từ năm 2014. Đến tháng 5/2015 ông H1 tự bỏ về quê ở N sinh sống và sau đó ông bỏ đi biệt tích cho đến nay. Sau khi ông H1 bỏ đi, bà đã nhiều lần gọi điện thoại, liên lạc bằng nhiều hình thức nhưng vẫn không có thông tin về ông. Bà đã làm thủ tục tuyên bố ông H1 mất tích. Hiện nay bà xác định không còn tình cảm với ông H1 nên yêu cầu Tòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn H1.

Vợ chồng có 04 người con chung gồm: tên Nguyễn Thị Minh T1, sinh năm: 1995 (chết năm 2018); tên Nguyễn Thị Kim N1, sinh năm: 1997; tên Nguyễn Thị Minh H2, sinh năm: 2002 và tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày: 15/6/2004. Các con đã trưởng thành và tự lao động được.

Bà không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H1 vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến nay, tất cả các hoạt động tố tụng của những người tiến hành tố tụng và việc tuân thủ pháp luật của các đương sự, đều theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Cho bà Bùi Thị Ngọc H ly hôn với ông Nguyễn Văn H1.

Về con chung: Có 04 người con chung Nguyễn Thị Minh T1, sinh năm: 1995 (chết năm 2018); Nguyễn Thị Kim N1, sinh năm: 1997; Nguyễn Thị Minh H2, sinh năm: 2002 và tên Nguyễn Tấn P, sinh năm 2004. Các con chung đã trưởng thành, miễn xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, miễn xét.

Về án phí: Bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Bùi Thị Ngọc H yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn H1, ông H1 có nơi cư trú cuối cùng tại thị xã A, tỉnh Bình Định. Căn cứ vào khoản 1

Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã A có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Nguyên đơn bà Bùi Thị Ngọc H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn H1 thuộc trường hợp mất tích, Tòa án tiến hành các thủ tục niêm yết theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông H1.

[3] Bà H và ông H1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N vào năm 1993 nên theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H1 được pháp luật bảo vệ.

[4] Trong quá trình sống chung bà H và ông H1 đã phát sinh mâu thuẫn, ông H1 bỏ nhà đi nhiều lần, bỏ đi biệt tích không có thông tin liên lạc. Tại Quyết định số 67/2022/QĐST-VDS ngày 13/4/2022 của Tòa án nhân dân thị xã A đã tuyên bố ông Nguyễn Văn H1 mất tích. Qua xác minh người thân và chính quyền địa phương nơi cư trú cuối cùng của ông H1 cũng xác định, từ thời điểm tuyên bố ông mất tích đến nay ông H1 vẫn vắng mặt không có thông tin gì về ông. Vì vậy, yêu cầu của bà H xin ly hôn với ông H1 là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Hiện các con chung của bà H và ông H1 gồm tên Nguyễn Thị Kim N1; tên Nguyễn Thị Minh H2 và tên Nguyễn Tấn P, các con đã thành niên và tự lao động được nên theo quy định tại khoản 1 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn.

[6] Bà H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không xem xét.

[7] Theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

[8] Qua đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều

238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Áp dụng các Điều 8, 9, khoản 2 Điều 56, khoản 1 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Bùi Thị Ngọc H ly hôn với ông Nguyễn Văn H1.

2. Về con chung: Các con tên Nguyễn Thị Kim N1, sinh năm: 1997; tên Nguyễn Thị Minh H2, sinh năm: 2002 và tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày: 15/6/2004. Các con chung đã thành niên và tự lao động được.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Buộc bà Bùi Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005273 ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

5. Quyền kháng cáo: Bà Bùi Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn H1 vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã A;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã A;
- UBND xã N;
- Lưu: Văn phòng; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Thị Kiều Oanh